TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/DS-ST
Ngày: 28-6-2021
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D , TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông K’ My Na

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hoa
2. Ông Đào Duy Trâm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Giáp Thị Thu Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D , tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D , tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà*:** Bà My La- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D , tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 3 năm 2021; quyết định tạm dừng phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 07-5-12021 và th6ong báo tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án số 41/TB-TA ngày 09-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện D giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh , sinh năm 1961

bà Phạm Thị H , sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn 2A, xã Đ , huyện D , tỉnh Lâm Đồng.

+ Bị đơn: Vợ chồng ông K’ Br , sinh năm 1974

bà Ka Th , sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn 1A, xã Đ , huyện D , tỉnh Lâm Đồng.

Vợ chồng ông Kh , bà H có mặt; bà Th , ông Br vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn vợ chồng ông Kh trình bày:

Ngày 02-10-2017 vợ chồng ông K' Br , bà Ka Th có vay cuả vợ chồng ông số tiền 240.000.000đ, thời hạn vay 06 ngày để đáo hạn ngân hàng, lãi suất thỏa thuận 01%/ tháng.

Ngày 07-10-2017 vợ chồng ông Br , bà Th vay tiếp số tiền 166.000.000đ, thời hạn vay 06 ngày để đáo hạn ngân hàng, lãi suất 1%/ tháng. Ngày 18-10-2017 vợ chồng ông Br , bà Th vay tiếp số tiền 50.000.000đ. Tổng cộng 03 lần vay là 456,000.000đ, đến nay vợ chồng ông Br , bà Th không chịu trả số tiền trên. Nay vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc vợ chồng ông Br , bà Th trả số tiền gốc 456.000.000đ và tiền lãi từng đợt vay cụ thể: Khoản vay 240.000.000đ, tính từ ngày 02-10-2017 đến ngày 28-6-2021 với mức lãi suất 1%/ tháng và khoản vay 166.000.000đ, tính từ ngày 07-10-2017 đến ngày 28-6-2021 với mức lãi suất 1%/ tháng và khoản vay 50.000.000đ, tính từ ngày 18-10-2017 đến ngaỳ 28-6-2021 với mức lãi suất 1%/ tháng. Tại phiên tòa vợ chồng ông, bà xin rút một phần nội dung khởi kiện, về việc yêu cầu vợ chồng bà Th trả số tiền 50.000.000đ. Chỉ yêu cầu vợ chồng bà Th trả số tiền gốc 406.000.000đ và tiền lãi với mức lãi suất 1%/ tháng.

Tài liệu chứng cứ chứng minh: " GIẤY VAY TIỀN" ghi ngày 02 -10 - 2017, ngày 07-10-2017 và ngày 18-10-2017".

+ Bị đơn vợ chồng bà Th , ông Br đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tuy nhiên tại bản tự khai ngày 10-11-2020 và lời khai tại phiên tòa ngày 07-5-2021 vợ chồng bà Th trình bày: Ngày 30-9-2017 vợ chồng ông, bà có vay của vợ chồng ông Kh số tiền 166.000.000đ. Ngày 02-10-2017 vay tiếp số tiền 240.000.000đ. Ngày 18-10-2017 vợ chồng ông Kh nói cho bà qua nhà và bảo bà trả số tiền nhưng bà không có tiền. Vợ chồng ông, bà không vay số tiền 50.000.000đ như vợ chồng ông Kh trình bày. Số tiền vợ chồng ông, bà vay của vợ chồng ông Kh thì vợ chồng ông, bà cho bà Ka D vay để đáo hạn ngân hàng nhưng đến nay bà D không trả nên vợ chồng ông, bà không có tiền trả cho vợ chồng ông Kh .

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D , tỉnh Lâm Đồng có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Bị đơn vợ chồng ông Br , bà Th không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vu án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị

đơn vợ chồng ông Br , bà Th có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Kh , bà H số tiền gốc 406.000.000đ và tiền lãi.

Vợ chồng ông Br , bà Th phải chịu án phí theo quy đinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vợ chồng ông Br , bà Th vắng mặt nhưng tại phiên tòa ngày 07-5- 2021 bà Th có mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Kh , bà H , Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại giầy vay tiền ghi ngày 02-10-2017 và giấy vay tiền ghi ngày 07-10-2017 do nguyên đơn vợ chồng ông Kh , bà H giao nộp cho Tòa án thể hiện thì bà Ka Th có vay của vợ chồng ông Kh , bà H 02 lần với tổng số tiền 406.000.000đ, thời hạn vay 06 ngày để đáo hạn ngân hàng, khi đến hạn trả bà Th không trả. Vợ chồng ông Kh xác định tuy trong giấy vay tiền chỉ có bà Th ký nhận, việc bà Th vay của ông, bà để đáo hạn ngân hàng, vay trong thời kỳ hôn nhân và xác định là nợ chung của vợ chồng bà Th . Vợ chồng bà Th cũng thừa nhận có vay của vợ chồng ông Kh 02 lần, tổng số tiền 406.000.000đ tuy nhiên số tiền 50.000.000đ là vợ chồng bà không vay của ông Kh . Sau khi vay số tiền trên, vợ chồng ông, bà cho bà Ka D vay lại nhưng đến nay bà D cũng chưa trả nên vợ chồng ông, bà không có tiền trả cho vợ chồng ông Kh .

Tại phiên tòa, vợ chồng ông Kh , bà H xin rút một phận nội dung yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu vợ chồng ông Br , bà Th trả số tiền 50.000.000đ nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09-6-2021 bà D trình bày giữa bà và vợ chồng ông Kh , bà H không có quan hệ làm ăn hay vay mượn tiền. Sở dĩ bà ký vào giấy nhận nợ ngày 25-10-2019, khi vợ chồng ông Kh , bà H đến đòi nợ do vợ chồng bà Th không có ở nhà nên bà ký nhận thay. Nay vợ chồng ông Kh khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông Br , bà Th trả thì vợ chồng ông Br , bà Th phải có trách nhiệm trả, còn việc bà vay của vợ chồng bà Th thì bà sẽ trả sau nên không cần thiết đưa bà D tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là phù hợp.

Nay vợ chồng ông Kh , bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc vợ chồng ông Br , bà Th trả số tiền gốc 406.000.000đ. Hội đồng xét xử có

đủ cơ sở khẳng định việc vợ chồng ông Br , bà Th vay của vợ chồng ông Kh , bà H số tiền là có căn cứ và còn nợ số tiền 406.000.000đ.

[3] Từ nhưng phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Kh , bà H buộc vợ chồng ông Br , bà Th có nghĩa vụ thanh toán trả số tiền còn nợ gốc 406.000.000đ và đình chỉ một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Kh , bà H là phù hợp.

[4] Về lãi suất: Trong giấy vay tiền mà vợ chồng ông Kh , bà H giao nộp cho Tòa án không thể hiện thỏa thuận lãi suất, vợ chồng ông Kh trình bày: Khi vay có thỏa thuận lãi suất bằng miệng, bà Th cũng thừa nhận có thỏa thuận về lãi suất. Nay vợ chồng ông Kh yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1%/ tháng trên sồ tiền vay 240.000.000đ, tính từ ngày 02-10-2017 đến ngày 28-6-2021 là 03 năm 08 tháng 26 ngày thành tiền 106.224.000đ và số tiền vay 166.000.000đ tính từ ngày ngày 07-10-2017 đến ngày 28-6-2021 thành tiền là 73.388.000đ nên có căn cứ chấp nhận và buộc vợ chồng ông Br , bà Th phải trả tiền lãi là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn vợ chồng bà Th , ông Br phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông NguyễnVăn Kh , bà Phạm Thị H về việc *"*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*"*.

Buộc vợ chồng ông K' Br , bà Ka Th có trách nhiệm thanh toán trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh , bà Phạm Thị H số tiền 585.612.000đ (Năm trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm mươi hai nghìn đồng.Trong đó tiền gốc 406.000.000đ và tiền lãi là 179.612.000đ

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Đình chỉ một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Kh , bà H về việc yêu cầu trả số tiền 50.000.000đ.

2.Về án phí: Vợ chồng ông K’ Br , bà Ka Th phải chịu 27.424.000đ án phí DSST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện D ;
- Chi cục THADS huyện D ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

K’ My Na